

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 650/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 690/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Phan Chu B, sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ 1, kp M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2021, các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh B yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện N, tỉnh Đồng Nai năm 2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì

phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không cùng suy nghĩ, không cùng quan điểm sống, anh B thường xuyên say xỉn và bạo hành chị nhiều lần. Chị T và anh B đã sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống ở xã P, còn anh B thì sống ở thị trấn H. Chị T xác định không còn tình cảm và cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ đối với anh B, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho ly hôn thì chị cũng không thể quay về sinh sống với anh B được nữa.

- Về con chung: chị T và anh B chung sống có 02 con chung là cháu Phan Huỳnh Thanh C, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Phan Quang D, sinh ngày 27/10/2010. Hiện cháu C, cháu D đang sống cùng với anh B từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, và nguyện vọng 02 cháu muốn tiếp tục được sống cùng cha nên nếu ly hôn, chị đồng ý giao cháu C, cháu D cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị T xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử, chị Tcam kết không có thắc mắc, khiếu nại gì.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn anh Phan Chu B nhưng anh B không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Huỳnh Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phan Chu B, theo biên bản xác minh tại Công an thị trấn H ngày 09/6/2022 thì hiện anh B đang sinh sống tại thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phan Chu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh B.

[2] Về hôn nhân: chị T và anh B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện N, tỉnh Đồng Nai do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T nộp đơn xin ly hôn anh B. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh B tham gia phiên

hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh B không đến tham gia phiên hòa giải, từ đó cho thấy anh B không có thiện chí đoàn tụ. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B do UBND thị trấn H cung cấp giữa anh B và chị T có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được do anh B, chị T không trình báo với địa phương mà nộp đơn trực tiếp đến Tòa án để giải quyết. Theo lời khai của chị T và bà L (mẹ ruột của anh B) thì giữa anh B và chị T có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã tự sống ly thân, không có bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh Phan Chu B.

[3] Về con chung: Chị T khai có 02 con chung là cháu Phan Huỳnh Thanh C, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Phan Quang D, sinh ngày 27/10/2010. Tại Tòa, chị T đồng ý giao cháu C, cháu D cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu C, cháu D đang sống cùng với anh B từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, và nguyện vọng 02 cháu muốn tiếp tục được sống cùng cha nên để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung Hội đồng xét xử giao con chung cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T.

Xử cho chị Huỳnh Thị Bích T được ly hôn anh Phan Chu B.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Huỳnh Thanh C, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Phan Quang D, sinh ngày 27/10/2010 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng; chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005608 ngày 23/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS,THA huyện Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- UBND TT Hiệp Phước;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hữu Chí